

LỊCH HỌC

Tuần 18(08/06 - 14/06/2020), Học kỳ 1-Năm học 2020-2021

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10(Chiều)

	Thu hai										Thu Ba										Thu Tư										Thu Năm										Thu Sáu										Thu Bảy										Chu Nhật																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10									
	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10	17:00	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10	17:00	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10	17:00	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10	17:00	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10	17:00	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10	17:00	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10	17:00	7:20	8:10	9:20	10:10	11:00	13:20	14:10	15:20	16:10
K11DL					Co Hai(QTKD) Chien luoc KDDL va khach san P.A103					Co Chi (BHKT) TK va DH CTDL(Thi CK) P.A306									Co Hai(QTKD) Chien luoc KDDL va khach san P.A103											Thay P Diep(KTOAN) QTTC du lich va KS(Thi CK) P.A306																																																	
K11GT					C.Vy Thuc tap du toan CTGT P.H603					C.Vy Thuc tap du toan CTGT P.H604(30)									C.Vy Thuc tap du toan CTGT P.H604(30)											C.Vy Thuc tap du toan CTGT P.H604(30)																																																	
K11KT	Co Hang TC cong ty P.A302				Co Tram KT hanh chinh SN P.A302					(Thi CK) NV Ngan hang(Thi CK) P.A404					Co Hang TC cong ty P.A203					Co Tram KT hanh chinh SN P.A102											Co Hang TC cong ty(Thi CK) P.A404																																																
K11LK1																																																																															
K11LK2																																																																															
K11NH	Co M.Quyen KT Ngan hang(Thi CK) P.A404									C.Thao NV Ngan hang(Thi CK) P.A307																			C.Thao Cong cu TC phai sinh(Th i CK) P.A302																																																		
K11PT	Co Nhung Luat H.chinh P.A103				Co Nhung Luat H.chinh P.A201					Co Nhung Luat H.chinh P.A204				Co Nhung Luat H.chinh P.A201					Co Nhung Luat H.chinh P.A303											Co Nhung Luat H.chinh P.A201																																																	
K11QT	Co Hai(QTKD) Khoi su KD P.A201									Thay An(TM-DHK T) QT CL toan dien(Thi CK) P.A403																			Co Hai(QTKD) KS kinh doanh(Thi CK) P.A302																																																		
K11ST					Thay Tiep Tieng anh CN(Thi CK) P.A102										Co Thuy PP dh hinh hoc (tr.tuyen)					Co Thuy PP dh hinh hoc (tr tuyen)	Thay Mui(SPDN- TOAN) Giai tich so(Thi CK) P.A306							Co Thuy PP dh hinh hoc (tr tuyen)																																																			
K11TM										Co Hoa KD XNK(Thi CK) PH.A306																			QT ban le(Thi CK)																																																		

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10 (Chiều)

	Thu hai										Thu Ba										Thu Tu										Thu Nam										Thu Sau										Thu Bay										Chu Nhat																			
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10										
K11TT																																																																																
K11TH	Co Suong (CDCD)																																																																															
K12DL																																																																																
K12KN	Co Nghia(PH) Marketing Nong nghiep P.A205		C.Han QtK P.A204		C. Trang QnN P.A102		Thay Huy PT chinh sach NN P.H603		C.Han QtK P.A306		C. Trang QnN P.A204		Co Nghia(PH) Marketing Nong nghiep P.A204		Thay Dung (DHKT Hue) QT DN NN(Thi CK) PH.A306																																																																	
K12KT	Co Ngan Duong loi CM VN P.A306		Co Ly KT thue P.A205																																																																													
K12LK1	Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206																																																																	
K12LK2	Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206		Thay Lam Tu phap quoc te P.A206																																																																	
K12NH	C.Thao TC cong ty P.A203		THI CK1 TT va cac DC TC(Thi CK) P.A404		THI CK NV Ngan hang(Thi CK) P.A402		Co Diem Tieng Anh KD P.A301								(Thi CK) Luat KD(Thi CK) P.A404																																																																	
K12PT																																																																																
K12QT	Co Tuyet Luat kinh doanh P.A405																																																																															

* Ghi chú: T1-T5 (Sáng); T6-T10 (Chiều)

	Thu hai					Thu Ba					Thu Tu					Thu Nam					Thu Sau					Thu Bay					Chu Nhat																		
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
K19DL	Co Hien		Co Sa			Co Truc					Co Hieu		Thay Tuan(CBA) GDTC2			Co Hien					Thay Tuan(CBA) GDTC1(S V Lao)					Thay Tuan(CBA) GDTC1(S V Lao)																							
	Chu nghia XHKH		HT thong tin QL			QT NNL					Tong quan du lich		San 1 CS2_DT			Chu nghia XHKH					San 2 CS2_DT					San 2 CS2_DT																							
	P.A303		P.A306			P.A303					P.A103		P.A203			P.A203					P.A203					P.A203																							
K19D						NVT(SPKT) Do luong Dien-DT(Thi CK) Phong A306										X.Nguyễn																																	
																GDTC2																																	
																San 2 CS2_DT																																	
K20TT	Thay Thiet(CDCD -KT) Dai so tuyen tinh					Co Hien					Thay Giang					Thay Thiet(CDCD -KT) Dai so tuyen tinh																																	
	P.A305					Triet hoc - MLN					Vat ly					P.A303																																	
	P.A305					P.A102					P.A201					P.A303																																	
K20LK	Co Hieu					Co Hien					Co Thuong		Co Sa																																				
	Tam ly hoc DC					Triet hoc - MLN					KT vi mô		Quan tri hoc																																				
	P.A204					P.A103					P.A102		P.A202																																				
K20TH			Co Ngan								Thay Tuan(CBA) GDTC1		Co Yen																																				
			Triet hoc - MLN								San 1 CS2_DT		Tin hoc van phong																																				
			P.A203								P.H603		P.H603																																				
K20QT	Co Truc		Co Thuong			Co Tuyet					Co Yen		Co Hien			Co Tuyet		Co Thuong																															
	Quan tri hoc		KT hoc			Phap luat DC					Tin hoc van phong		Triet hoc - MLN			Phap luat DC		KT hoc																															
	P.A307		P.A307			P.A302					P.H603		P.A306			P.A307		P.A307																															
K20KT	X.Nguyễn		Co Thuong			Co Yen					Co Hien		Co Tuyet			Co Sa		Co Yen			Co Thuong																												
	GDTC1		KT hoc			Tin hoc van phong					Triet hoc - MLN		Phap luat DC			Quan tri hoc		Tin hoc van phong			KT hoc																												
	San 2 CS2_DT		P.A307			P.H602					P.A102		P.A305			P.A202		P.H603			P.A307																												
K20QN	Co Hieu		Thay Huy			Co Yen					Co Sa		Co Thuong			Co Hieu		Co Yen			Co Hieu																												
	Tam ly hoc DC		Toan kinh te			Tin hoc van phong					Quan ly hoc		KT vi mô			Giao tiep cong dong		Tin hoc van phong			Giao tiep cong dong																												
	P.A204		P.H602			P.H602					P.A202		P.A102			P.A205		P.H603			P.A205																												